BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 170 /2018/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về đối tượng và điều kiện áp dụng; chế độ hỗ trợ và cách tính hưởng; hồ sơ giải quyết chế độ hỗ trợ; phương thức chi trả chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận"; trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP. Trong đó, điều kiện về địa bàn, thời gian, đơn vị quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

1. Các xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17, gồm 07 xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thành, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Ô, Vĩnh Hà và

các xã nằm trong khu phi quân sự, gồm 05 xã: Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thủy thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

2. Địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thực hiện theo Quyết định số 2084/QĐ-BTTM ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Danh mục địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975; Quyết định số 1377/QĐ-TM ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành kèm theo Danh mục bổ sung địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 và kết quả giải mã ký hiệu, phiên hiệu các đơn vị tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế do Bộ Quốc phòng ban hành.

Điều 3. Chế độ hỗ trợ và cách tính hưởng

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

a) Đối với người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ (bao gồm cả thân nhân liệt sĩ, nhưng không thuộc đối tượng hướng dẫn tại điểm c khoản này) còn sống, chế độ hỗ trợ được tính từ (tháng, năm) bị dừng hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp đến (tháng, năm) có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trực tiếp quản lý, chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng trước khi đối tượng định cư ở nước ngoài.

Trường hợp, đối tượng đã được hưởng chế độ hỗ trợ nêu trên, sau đó từ trần thì thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP tiếp tục được hưởng chế độ hỗ trợ; thời gian tính hưởng chế độ hỗ trợ lần này được tính từ tháng sau liền kề (tháng, năm) có quyết định hưởng chế độ hỗ trợ lần trước đến thời điểm (tháng, năm) đối tượng từ trần.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn Bốn, đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp hằng tháng với tỷ lệ thương tật 33%. Tháng 6 năm 1979, do hoạch định biên giới Quốc gia, ông Bốn định cư ở nước ngoài, bị dừng hưởng chế độ trợ cấp thương binh hằng tháng từ tháng 7 năm 1979. Giả sử tháng 10 năm 2019, được Ủy ban nhân dân tỉnh nơi trực tiếp quản lý và chi trả chế độ trợ cấp thương binh hằng tháng trước khi ông Bốn định cư ở nước ngoài ký Quyết định hỗ trợ. Cách tính hưởng chế độ hỗ trợ đối với ông Bốn như sau:

- Thời gian được tính hưởng chế độ: Tháng 10 năm 2019 - tháng 7 năm 1979 = 40 năm 04 tháng = 484 tháng.

- Giả sử mức trợ cấp thương tật 33%, được chuyển đổi tương ứng tại thời điểm tháng 10 năm 2019 là 1.700.000 đồng/tháng. Mức hỗ trợ đối với ông Bốn là:

1.700.000 đồng/tháng x 484 tháng = 822.800.000 đồng.

Ví dụ 2: Cũng trường hợp ông Bốn nêu ở ví dụ 1, đã hưởng chế độ hỗ trợ tháng 10 năm 2019, sau đó, đến tháng 10 năm 2020 ông Bốn từ trần. Giả sử tháng

12 năm 2020, được Ủy ban nhân dân tỉnh (nơi thực hiện chế độ hỗ trợ khi còn sống), ký Quyết định hỗ trợ đối với thân nhân ông Bốn. Cách tính hưởng chế độ hỗ trợ lần này được thực hiện như sau:

- Thời gian tính hưởng chế độ hỗ trợ: Tháng 10 năm 2020 - tháng 11 năm 2019 = 12 tháng.

- Giả sử mức trợ cấp thương tật 33%, được chuyển đổi tương ứng tại thời điểm tháng 12 năm 2020 là 1.800.000 đồng/tháng. Mức hỗ trợ đối với thân nhân ông Bốn là:

1.800.000 đ/tháng x 12 tháng = 21.600.000 đồng.

b) Đối với đối tượng đã từ trần thì thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP được hưởng chế độ hỗ trợ tính từ (tháng, năm) bị dừng hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp đến (tháng, năm) đối tượng từ trần.

Ví dụ 3: Cũng trường hợp ông Bốn nêu ở ví dụ 1, nhưng đã từ trần tháng 8 năm 2010. Giả sử tháng 10 năm 2019, được Ủy ban nhân dân tỉnh nơi trực tiếp quản lý và chi trả chế độ trợ cấp thương binh hằng tháng trước khi ông Bốn định cư ở nước ngoài ký Quyết định hỗ trợ. Cách tính hưởng chế độ hỗ trợ đối với thân nhân ông Bốn như sau:

- Thời gian tính hưởng chế độ hỗ trợ: Tháng 8 năm 2010 - tháng 7 năm 1979 = 31 năm 02 tháng = 374 tháng.

- Mức hỗ trợ đối với thân nhân ông Bốn là:

1.700.000 đồng/tháng x 374 tháng = 635.800.000 đồng.

c) Con đẻ, con nuôi hợp pháp của liệt sĩ được hưởng chế độ hỗ trợ tính từ thời điểm (tháng, năm) bị dừng hưởng chế độ trợ cấp đến tháng liền kề trước tháng sinh của năm đủ 18 tuổi. Trường hợp đối tượng từ trần trước thời điểm đủ 18 tuổi thì chế độ hỗ trợ được tính từ (tháng, năm) bị dừng hưởng chế độ trợ cấp đến (tháng, năm) đối tượng từ trần.

Ví dụ 4: Ông Trần Quốc Hùng, sinh tháng 7 năm 1975 là con đẻ của liệt sĩ đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam quyết định cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tuất hằng tháng. Tháng 6 năm 1979, do hoạch định biên giới Quốc gia, ông Hùng định cư ở nước ngoài, bị dừng hưởng chế độ trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng 7 năm 1979. Theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, ông Hùng được hưởng trợ cấp hằng tháng đến tháng liền kề trước tháng sinh của năm đủ 18 tuổi (tháng 6/1993). Giả sử tháng 9 năm 2019, ông Hùng được Ủy ban nhân dân tỉnh nơi trực tiếp quản lý và chi trả chế độ trước khi ông Hùng định cư ở nước ngoài ký Quyết định hỗ trợ. Cách tính hưởng chế độ hỗ trợ của ông Hùng như sau:

- Thời gian được tính hưởng chế độ: Tháng 6 năm 1993 - tháng 7 năm 1979 = 14 năm = 168 tháng.

- Giả sử mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với con liệt sĩ, được chuyển đổi tương ứng tại thời điểm tháng 9 năm 2019 là 1.600.000 đồng/tháng. Mức hỗ trợ đối với ông Hùng là:

1.600.000 đồng/tháng x 168 tháng = 268.800.000 đồng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

a) Có từ đủ 2 năm công tác thực tế trở xuống, được hưởng chế độ hỗ trợ bằng 4.000.000 đồng.

Ví dụ 5: Bà Trần Thị H, từ năm 2004 đến nay đi định cư ở nước ngoài; khi ở trong nước bà H là dân quân được huyện M tổ chức tập trung làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc như sau: Đợt 1 từ tháng 10 năm 1965 đến tháng 12 năm 1965 (3 tháng), đợt 2 từ tháng 8 năm 1967 đến tháng 11 năm 1967 (4 tháng); trước khi đi định cư ở nước ngoài, bà H không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hằng tháng. Chế độ hỗ trợ đối với bà H được tính như sau:

- Thời gian 02 đợt tham gia dân quân tập trung được tính hưởng chế độ hỗ trợ là:

3 tháng + 4 tháng = 7 tháng.

- Mức hỗ trợ bà H được hưởng là: 4.000.000 đồng.

b) Có trên 2 năm công tác thực tế thì từ năm thứ 3 trở đi mỗi năm được cộng thêm 1.500.000 đồng, mức hỗ trợ được tính theo công thức sau:

Mức hỗ trợ = 4.000.000 đồng + [(số năm được hưởng - 2 năm) x 1.500.000 đồng].

Ví dụ 6: Ông Trần Văn Sáu, nhập ngũ tháng 02 năm 1972; phục viên, xuất ngũ tháng 5 năm 1977; tái ngũ tháng 7 năm 1978 đến tháng 10 năm 1989 phục viên đi lao động hợp tác quốc tế, sau đó định cư ở nước ngoài. Chế độ hỗ trợ đối với ông Sáu được tính như sau:

- Thời gian công tác thực tế trong Quân đội lần thứ nhất từ tháng 02 năm 1972 đến tháng 5 năm 1977 (5 năm 4 tháng); lần thứ hai từ tháng 7 năm 1978 đến tháng 10 năm 1989 (11 năm 4 tháng).

Tổng thời gian công tác thực tế trong Quân đội được tính hưởng chế độ là:

5 năm 4 tháng + 11 năm 4 tháng = 16 năm 8 tháng, được tính bằng 17 năm.

- Mức hỗ trợ ông Sáu được hưởng là:

4.000.000 đồng + [(17 năm - 2 năm) x 1.500.000 đồng] = 26.500.000 đồng.

Ví dụ 7: Ông Nguyễn Văn Đồng là quân nhân, chiến đấu tại biên giới phía Bắc (huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tháng 4/1979), nhập ngũ tháng 5 năm 1975, xuất ngũ tháng 7 năm 1989; tháng 10 năm 2005, ông Đồng đi định cư ở nước ngoài đến nay; trước khi đi định cư ở nước ngoài ông Đồng không thuộc đối tượng được hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hằng tháng. Chế độ hỗ trợ đối với ông Đồng được tính như sau:

- Thời gian công tác trong Quân đội được tính hưởng chế độ là 14 năm 3 tháng, được tính bằng 14, 5 năm.

- Mức hỗ trợ ông Đồng được hưởng là:

4.000.000 đồng + [(14, 5 năm - 2 năm) x 1.500.000 đồng] = 22.750.000 đồng.

Ví dụ 8: Bà Nguyễn Thị K là dân quân được huyện M tổ chức tập trung làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc từ tháng 8 năm 1965 đến tháng 11 năm 1965 (4 tháng); sau đó nhập ngũ vào Quân đội từ tháng 5 năm 1969 đến tháng 10 năm 1971 xuất ngũ về địa phương (02 năm 6 tháng); từ tháng 3 năm 2002 đến nay định cư ở nước ngoài. Chế độ hỗ trợ đối với bà K được tính như sau:

- Thời gian thực tế tham gia dân quân tập trung và thời gian công tác trong Quân đội được tính hưởng chế độ hỗ trợ là: 4 tháng + 02 năm 6 tháng = 2 năm 10 tháng, được tính bằng 03 năm.

- Mức hỗ trợ bà K được hưởng là:

4.000.000 đồng + [(3 năm - 2 năm) x 1.500.000 đồng] = 5.500.000 đồng.

c) Trường hợp đã từ trần trước ngày 05 tháng 9 năm 2018 (ngày Nghị định số 102/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, được hỗ trợ bằng 6.000.000 đồng. Nếu từ trần kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 trở đi thì mức hưởng chế độ hỗ trợ được thực hiện như cách tính tại điểm a, điểm b khoản này.

Ví dụ 9: Cũng trường hợp ông Đồng nêu ở ví dụ 7, nhưng đã từ trần ngày 04 tháng 9 năm 2018 (trước ngày Nghị định số 102/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), thân nhân ông Đồng được hưởng hỗ trợ bằng 6.000.000 đồng.

Ví dụ 10: Cũng trường hợp ông Đồng nêu ở ví dụ 7, nhưng đã từ trần ngày 06 tháng 9 năm 2018 (sau ngày Nghị định số 102/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), thân nhân ông Đồng được hưởng chế độ hỗ trợ bằng 22.750.000 đồng (cách tính chế độ hỗ trợ như ở ví dụ 7).

3. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1, đồng thời thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP thì được hưởng cả chế độ hỗ trợ hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Ví dụ 11: Trường hợp ông Bốn nêu ở ví dụ 1; đồng thời là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ tháng 5/1968, xuất ngũ tháng 4/1972 (có tổng thời gian công tác thực tế trong Quân đội là 04 năm). Chế độ hỗ trợ đối với ông Bốn được tính như sau:

- Mức hỗ trợ đối với thương binh, tỷ lệ thương tật 33%: 822.800.000 đồng.

- Mức hỗ trợ đối với thời gian là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là: 4.000.000 đồng + [(4 năm - 2 năm) x 1.500.000 đồng] = 7.000.000 đồng.

Tổng mức hỗ trợ ông Bốn được hưởng là: 822.800.000 đồng + 7.000.000 đồng = 829.800.000 đồng.

Điều 4. Hồ sơ giải quyết chế độ hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP; trong đó, giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, gồm một hoặc một số giấy tờ sau đây chứng minh thuộc đối tượng là người có công với cách mạng hoặc thân nhân liệt sĩ được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng nhưng bị dừng hưởng chế độ:

a) Quyết định hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Quyết định phong tặng, Quyết định hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; Quyết định hưởng trợ cấp hằng tháng đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày, người có công giúp đỡ cách mạng; Quyết định cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp hằng tháng đối với thân nhân liệt sĩ; Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp thương tật hằng tháng; Quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp hằng tháng; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

b) Bản trích lục hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng (bao gồm cả thân nhân liệt sĩ), hoặc giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền (kèm theo bản phô tô hồ sơ, giấy tờ làm căn cứ xác nhận), hoặc Phiếu (Sổ) lĩnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công hằng tháng của đối tượng.

2. Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, gồm một hoặc một số giấy tờ sau đây chứng minh là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế hoặc dân công hỏa tuyến:

- Quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế;

- Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành;

- Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan hướng dẫn tại khoản 1 Điều này;

- Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan, phiếu quân nhân; lý lịch đi lao động ở nước ngoài, lý lịch đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

- Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi đối tượng phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, hoặc trước khi

chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên quốc phòng rồi thôi việc hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương trở lên (nơi quản lý đối tượng khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc thường trú tại địa phương trước khi định cư ở nước ngoài) cấp, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận. Trường hợp, cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập, giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận;

- Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng; phong, thăng quân hàm, nâng lương; điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ; giao nhiệm vụ; giấy chứng tử; giấy báo tử;

- Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong; dân công hỏa tuyến, hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi huy động đối tượng tham gia dân công hỏa tuyến; giấy đăng ký quân nhân dự bị; phiếu khám sức khỏe, chuyển thương, chuyển viện;

- Huân, huy chương tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và các hình thức khen thưởng khác.

Điều 5. Phương thức chi trả chế độ hỗ trợ, cấp "Giấy chứng nhận"; nội dung chi kinh phí bảo đảm công tác tổ chức thực hiện chế độ hỗ trợ

1. Phương thức chi trả chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận"

a) Đối với đối tượng không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

b) Đối với đối tượng ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, thực hiện như sau:

Theo từng đợt, sau khi nhận được Quyết định, "Giấy chứng nhận", kinh phí bảo đảm và danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ của Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chuyển đến, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ và trao "Giấy chứng nhận" cho thân nhân đối tượng.

Trình tự, trách nhiệm tổ chức chi trả và thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán thực hiện tương tự như đối với đối tượng dân công hỏa tuyến hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

2. Nội dung chi kinh phí bảo đảm công tác tổ chức thực hiện chế độ hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; tiếp nhận, xét duyệt, thẩm định hồ sơ;

chuyển hồ sơ từ nước ngoài về nước, từ trong nước ra nước ngoài; chi phí chuyển tiền ra nước ngoài và tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ; rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết;

b) In ấn tài liệu, mẫu biểu, giấy tờ quản lý, "Giấy chứng nhận" người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

c) Mua sắm, sửa chữa nhỏ trang bị, mua đồ dùng văn phòng phục vụ công tác xét duyệt chi trả chế độ, chính sách.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương tiếp nhận hồ sơ của Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến, tổ chức xét duyệt, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ đối với đối tượng là người có công với cách mạng đang định cư ở nước ngoài nhưng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng do hoạch định biên giới Quốc gia và đối tượng vừa là người có công với cách mạng vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đối tượng không đủ điều kiện hưởng chế độ hoặc còn thiếu thủ tục, giấy tờ theo quy định thì kết luận bằng văn bản và gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để trả lời hoặc đề nghị đối tượng (thân nhân đối tượng) bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Theo từng đợt, căn cứ đề nghị bảo đảm kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm theo quy định;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí đối với đối tượng về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

d) Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh.

2. Đề nghị Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng;

b) Hướng dẫn đối tượng hoặc thân nhân đối tượng lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp, lập danh sách, chuyển hồ sơ đối tượng hoặc thân nhân đối tượng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) hoặc Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị) để giải quyết chế độ hỗ trợ theo thẩm quyền và quy trình, trách nhiệm giải quyết quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

c) Tổ chức chi trả chế độ, trao "Giấy chứng nhận" cho đối tượng hoặc thân nhân đối tượng; theo từng đợt hoàn chỉnh bảng kê danh sách chi trả chế độ hỗ trợ, chứng từ thanh toán gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Quốc phòng để thanh quyết toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

d) Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách đối với nhân dân và thân nhân đối tượng. Tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng trên địa bàn bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, thuận tiện, không để xảy ra sai sót, tiêu cực;

b) Chỉ đạo các cơ quan quân sự địa phương, ngành Lao động- Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét duyệt, thẩm định; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định hưởng chế độ và đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bảo đảm kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP. Tổ chức thực hiện chặt chẽ, kịp thời chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với đối tượng khi về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

4. Đối với Bộ Tư lệnh các Quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền; triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng trên địa bàn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

b) Tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị) quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ, mỗi loại 05 bản để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí;

c) Căn cứ quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với từng đối tượng, chuyển về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội để bàn giao cho Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tổ chức chi trả chế độ và trao "Giấy chứng nhận" cho thân nhân đối tượng;

d) Chủ trì kiểm tra, giải quyết những vướng mắc phát sinh ở cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý; tổ chức xác minh, kết luận hoặc có văn bản chỉ đạo, đề nghị đơn vị, địa phương xác minh, kết luận khi phát hiện khai man, giả mạo giấy tờ để hưởng chế độ.

5. Đối với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng:

a) Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện;

- Xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với đối tượng không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng. Khi có thông báo bảo đảm kinh phí của Bộ Tài chính, làm thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ kèm theo quyết định, "Giấy chứng nhận" và danh sách đối tượng được hưởng chế độ đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức chi trả và thanh quyết toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đối tượng không đủ điều kiện hưởng chế độ hoặc còn thiếu thủ tục, giấy tờ theo quy định thì kết luận bằng văn bản và gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để trả lời hoặc đề nghị đối tượng (thân nhân đối tượng) bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ hưởng chế độ hỗ trợ theo đề nghị của Bộ Tư lệnh các Quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

- Tổng hợp kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ của các Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí; phối hợp với Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng phân bổ kinh phí để các đơn vị thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh.

b) Cục Cán bộ, Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực, Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại đơn vị, xác nhận quá trình công tác trong Quân đội cho các đối tượng bảo đảm chặt chẽ, chính xác; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng

Báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng giao dự toán ngân sách, cấp kinh phí cho các Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ ô Hà Nội và Cục Chính sách để thực hiện chi trả chế độ cho đối tượng; quản lý, chỉ đạo thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết vướng mắc, phát sinh trong tổ chức thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019.

2. Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018.

3. Các văn bản viện dẫn trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì nội dung viện dẫn cũng được điều chỉnh thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch